

Name: .....

### UNIT 3. GETTING STARTED+READING

#### I. Fill the blanks with the appropriate English words in unit 3.

1. \_\_\_\_\_ (n): sự nhượng quyền
2. \_\_\_\_\_ (n): hiện tượng
3. \_\_\_\_\_ (adj): say đắm, nồng nhiệt
4. \_\_\_\_\_ (v): lừa dối, lừa gạt
5. \_\_\_\_\_ (n): người dự thi, đối thủ
6. \_\_\_\_\_ = well-known =  
\_\_\_\_\_ (adj): nổi tiếng, phổ biến
7. \_\_\_\_\_ (adj): ko thể tin dc, lạ thường
8. \_\_\_\_\_ (v): phát thanh/ hình
9. \_\_\_\_\_ = remove (v): loại ra, loại trừ
10. \_\_\_\_\_ (adj) có tài, có khiếu
- ⇒ \_\_\_\_\_ (n)

**II. Fill the blanks with appropriate words from exercise I,  
change the part of speech when necessary.**

**11.As Thu Anh was a child she was \_\_\_\_\_  
about singing.**

**12.The first season of Vietnam Idol \_\_\_\_\_ on  
May 23, 2007.**

**13.Chinese New Year has become a worldwide  
\_\_\_\_\_.**

**\*\*\*\*\*THE END\*\*\*\*\***